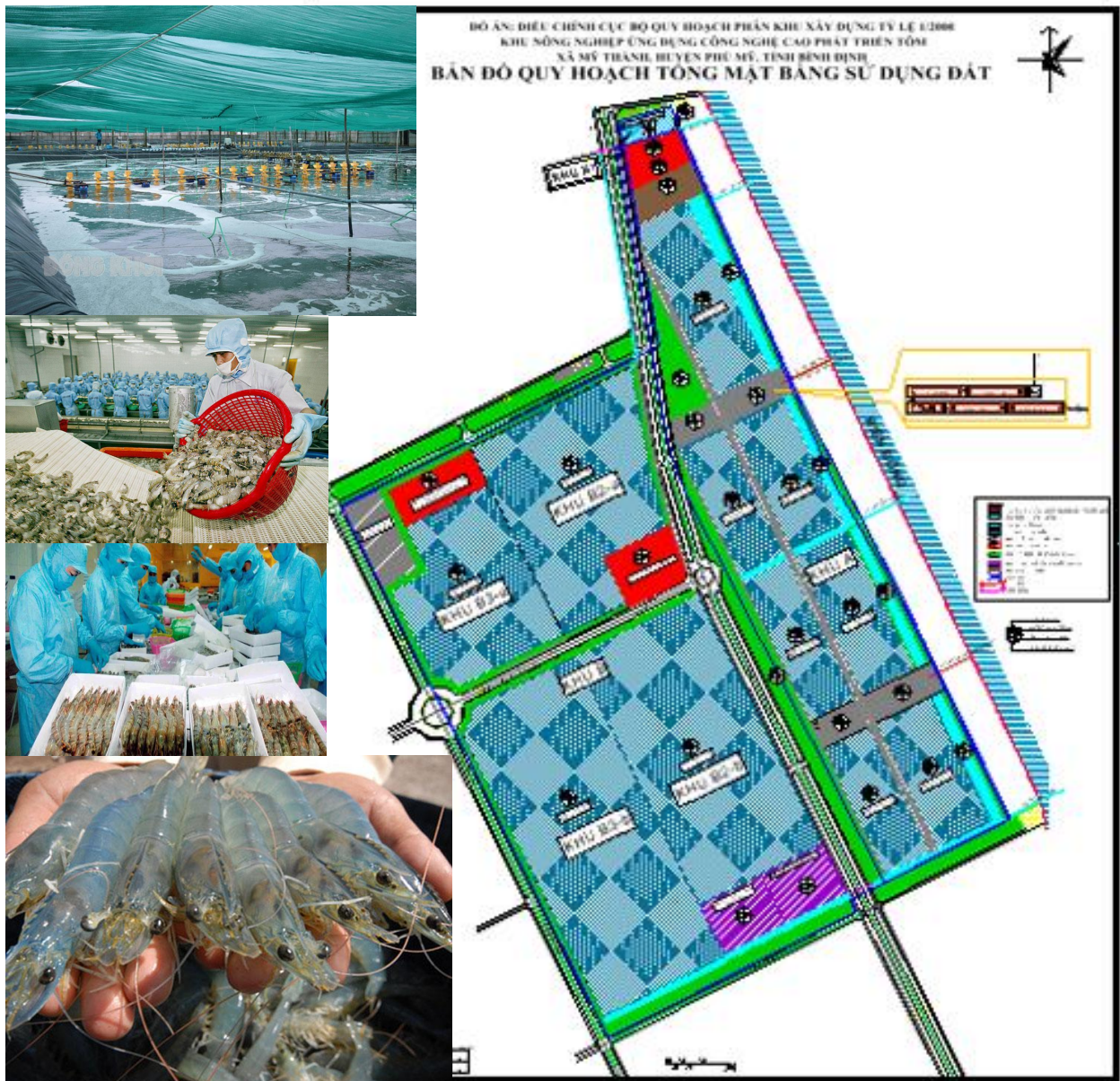


**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ**  
**QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000**  
**Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm**  
**xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định**



**NĂM 2023**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

**THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ**

**QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000**

**Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm  
xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định**

Phê duyệt đồ án quy hoạch	- UBND tỉnh Bình Định
Thẩm định đồ án quy hoạch	- Sở Xây dựng Bình Định
Chủ đầu tư lập quy hoạch	- Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định
Đại diện Chủ đầu tư	- Chi cục thủy sản Bình Định
Đơn vị tư vấn	- Công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương

<b>THẨM ĐỊNH ĐỒ ÁN SỞ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH</b>	<b>CHỦ ĐẦU TƯ LẬP QUY HOẠCH SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT</b>
<b>ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ CHI CỤC THỦY SẢN</b>	<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN</b>

---

## MỤC LỤC

Trang

---

### MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.....	6
1. Bối cảnh thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.....	6
2. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu NNƯDCNC Bình Định.....	7
II. CÁC CĂN CỨ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.....	8
1. Các căn cứ pháp lý.....	8
2. Các nguồn tài liệu, số liệu.....	9

### PHẦN I

#### PHÂN TÍCH BỔ SUNG CÁC YẾU TỐ HIỆN TRẠNG, TIỀM NĂNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN

I. VỊ TRÍ, PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH.....	11
II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	12
1. Địa hình.....	12
2. Khí hậu.....	12
3. Đặc điểm thủy văn.....	13
4. Tài nguyên nước.....	14
5. Tài nguyên đất.....	14
6. Đặc điểm hiện trạng.....	14
III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.....	22
IV. ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP.....	22
1. Đánh giá những mặt mạnh, yếu, cơ hội, thách thức (SWOT).....	22
2. Đánh giá các lợi thế để hình thành Khu NNƯDCNC phát triển tôm.....	24

### PHẦN II

#### ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT.....	26
1. Dự báo lao động.....	26
2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật.....	26
II. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	27
1. Các nguyên tắc Khu NNƯDCNC.....	27
2. Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.....	28

### **PHẦN III**

#### **ĐIỀU CHỈNH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

<b>I. CƠ SỞ THIẾT KẾ .....</b>	<b>35</b>
<b>II. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT .....</b>	<b>36</b>
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>38</b>
<b>CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ .....</b>	<b>39</b>
<b>CÁC BẢN VẼ A3 .....</b>	<b>40</b>

## **DANH SÁCH BẢNG TRONG BÁO CÁO**

Trang

---

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất Khu NNƯDCNC .....	15
Bảng 2: Kết quả phân tích nước thải trại nuôi tôm sau xử lý .....	21
Bảng 3: So sánh kết quả phân tích mẫu nước thải so với nước biển ven bờ .....	21
Bảng 4. Bảng cân bằng sử dụng đất.....	30
Bảng 5. Bảng phân khu sử dụng đất để kêu gọi đầu tư.....	32

## MỞ ĐẦU

### I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

#### 1. Bối cảnh thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định

- Thực trạng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUĐCNC) trên thế giới đã đạt được nhiều thành tựu, góp phần làm thay đổi nền sản xuất nông nghiệp truyền thống trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển nhanh và liên tục. Ở Việt Nam, từ những năm 90 của thế kỷ trước đã bắt đầu phát triển NNUĐCNC, trước hết là các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (DNNNUĐCNC) về rau, hoa và nấm tại Lâm Đồng. Các khu, vùng sản xuất NNUĐCNC cũng được hình thành ở một số địa phương. Bước đầu hoạt động của các doanh nghiệp, khu, vùng NNUĐCNC dù còn những bất cập về tổ chức cũng như hiệu quả, nhưng khẳng định rằng đó là xu thế đúng, đã và đang thay đổi về nhận thức của một nền sản xuất mà nền tảng là ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ (KH-CN) mới.

- Luật Công nghệ cao (CNC) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII thông qua, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về phê duyệt Chương trình phát triển NNUĐCNC thuộc Chương trình quốc gia phát triển CNC đến năm 2020; Đặc biệt, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) đã xác định đối với kinh tế nông nghiệp cần thiết phải phát triển NNUĐCNC.

- Khu NNUĐCNC phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (gọi tắt là Khu NNUĐCNC Bình Định) đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Đề án thành lập tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 29/06/2020 với các nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu: Xây dựng Khu NNUĐCNC Bình Định nhằm hỗ trợ, tác động, dẫn dắt ngành tôm tỉnh Bình Định nói riêng và khu vực miền Trung nói chung, nhằm tạo ra các sản phẩm tôm CNC; tư vấn, chuyển giao công nghệ, xây dựng, trình diễn, nhân rộng mô hình, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành tôm,... Hình thành chuỗi liên kết trong cung ứng con giống, thức ăn, sản xuất, chế biến và tiêu thụ tôm thương phẩm cho cả khu vực.

- Chức năng: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành – huyện Phù Mỹ – tỉnh Bình Định là khu công nghệ cao tập trung thực hiện hoạt động ứng dụng thành tựu nghiên cứu và phát triển công nghệ cao vào lĩnh vực tôm; sản xuất tôm giống, nghiên cứu quy trình nuôi, sản xuất tôm thương phẩm, chế biến thức ăn, chế biến tôm và các ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất chế phẩm sinh học, bảo quản chế biến, đào tạo, tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ ngành tôm của tỉnh Bình Định và miền Trung.

- Nhiệm vụ: Khu NNUĐCNC Bình Định có các nhiệm vụ chính sau:

+ Thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất tôm ứng dụng công nghệ cao, phục vụ phát triển ngành tôm cho tỉnh Bình Định và Miền Trung.

+ Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong ngành tôm.

+ Đào tạo nhân lực công nghệ cao cho ngành tôm cho Tỉnh và miền Trung.

+ Tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, trình diễn công nghệ và sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao.

+ Thu hút nguồn đầu tư, nhân lực công nghệ cao trong và ngoài nước thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ cao trong ngành tôm.

- Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 (Quy mô diện tích 375ha).

- Yêu cầu về quy hoạch: Trong điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng Khu NNƯDCNC phát triển tôm Bình Định phải dành ít nhất 60% diện tích cho xây dựng cơ sở nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm, sản xuất sản phẩm tôm ứng dụng CNC, đào tạo nhân lực CNC và cung ứng dịch vụ CNC cho ngành tôm. Quy hoạch phải dành ưu tiên đất đai cho doanh nghiệp để đầu tư xây dựng các trung tâm, nhà máy sản xuất, chế biến CNC phục vụ nuôi tôm hoặc ứng dụng CNC để sản xuất tôm;

- Yêu cầu về xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng: Xây dựng, khai thác hạ tầng và các công trình trong Khu NNƯDCNC Bình Định phải tuân thủ theo quy hoạch và theo đúng mục tiêu của các dự án đầu tư vào Khu NNƯDCNC Bình Định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **2. Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu NNƯDCNC Bình Định**

Để thực hiện được mục tiêu của Đề án, theo quy định tại Điều 25 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 và Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ thì bước tiếp theo cần thiết phải tiến hành lập quy hoạch Phân khu xây dựng để triển khai quy hoạch chi tiết xây dựng, làm cơ sở để thu hút đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, sản xuất và đào tạo...

- Xác định quy mô sản xuất NNƯDCNC, quy mô nghiên cứu chuyên giao, thương mại công nghệ và đào tạo huấn luyện nguồn nhân lực. Định hướng phát triển không gian Khu NNƯDCNC, quy hoạch sử dụng đất, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật (*đặc biệt là hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, xử lý môi trường, ...*) phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Khu, đạt tiêu chuẩn khu NNƯDCNC văn minh, hiện đại, có mỹ quan, giàu tính văn hóa đối với sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi sinh môi trường và cân bằng sinh thái;

- Khai thác có hiệu quả quỹ đất xây dựng vừa đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phù hợp xu hướng phát triển của tỉnh;

- Tổ chức Khu NNƯDCNC với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ. Phục vụ công tác quản lý và phát triển sản xuất của Khu NNƯDCNC;

- Xác định lại phạm vi khu chức năng phục vụ sản xuất nuôi tôm phù hợp với công nghệ nuôi tôm hiện nay làm cơ sở để kêu gọi đầu tư khai thác hiệu quả sử dụng đất.

- Xác định bố trí lại khu vực xây dựng nhà máy chế biến tôm, sản xuất thức ăn cho tôm đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án.

- Làm cơ sở pháp lý để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

- Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XX) thống nhất thông qua tại Kết luận số 88-KL/TU ngày 04/01/2022; Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 (Quy mô diện tích 375ha). Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh một số khó khăn do kinh phí dự kiến thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng bị ảnh hưởng quá lớn (theo khái toán của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Phù Mỹ là trên 312 tỷ đồng).

Do đó để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện cũng như mời gọi nhà đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho điều chỉnh một số nội dung của Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định cho phù hợp, bao gồm: Điều chỉnh về, phân khu chức năng, phân khu đầu tư, điều chỉnh lại hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp với diện tích còn lại của đồ án.

## **II. CÁC CĂN CỨ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

### **1. Các căn cứ pháp lý**

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;



- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;

- Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 về việc phê duyệt đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;

- Văn bản số 4991/UBND-KT ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Bình Định V/v chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Thông báo số 98-TB/TU ngày 18/02/2021 của Tỉnh ủy Bình Định thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư tỉnh ủy thăm và kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất đầu năm tại Công ty cổ phần Việt – Úc Bình Định.

- Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc thống nhất chủ trương lập đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/1/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Quỹ đất dọc đường ven biển đoạn Đègi – Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

## **2. Các nguồn tài liệu, số liệu**

- Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng;

- Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch Khu NNƯDCNC, tỷ lệ 1/2.000;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1/2.000 khu vực lập quy hoạch (hiệu chỉnh);

- Bản đồ địa hình: Tỷ lệ 1/2000 (hiệu chỉnh);

- Đề án Thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành – huyện Phù Mỹ – tỉnh Bình Định.

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc đường ven biển đoạn Đègi –

Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành – huyện Phù Mỹ – tỉnh Bình Định.

- Các văn bản, tài liệu khác có liên quan...

# PHẦN I PHÂN TÍCH BỔ SUNG CÁC YẾU TỐ HIỆN TRẠNG, TIỀM NĂNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN

## I. VỊ TRÍ, PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

- Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Khu vực lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch có quy mô 375ha, không thay đổi so với Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 về việc phê duyệt đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Diện tích điều chỉnh là 248,66 ha do đã trừ đi diện tích 126,34 ha đã giao sử dụng ổn định cho Công ty TNHH Việt Úc – Phù Mỹ ( diện tích phải điều chỉnh chiếm 67,21 % dự án).

- Khu vực quy hoạch thuộc xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.  
*Trong đó:*

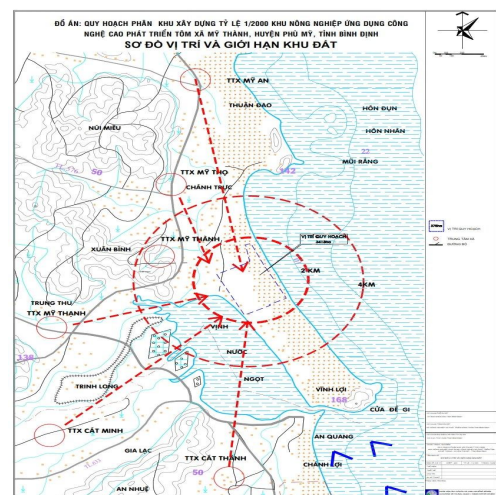
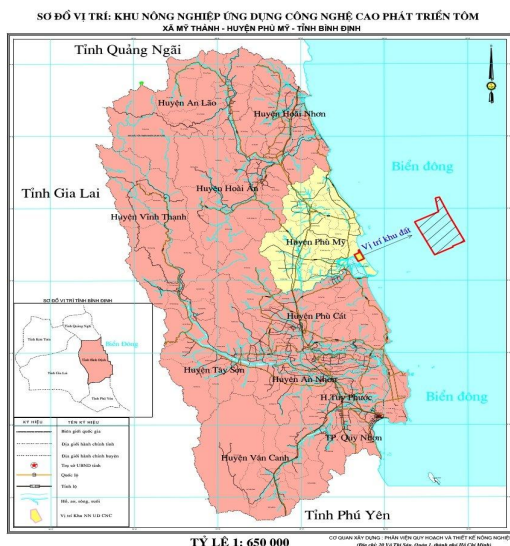
+ Phía Bắc giáp Nhà máy xi Titan Sài Gòn – Quy Nhơn và đường quy hoạch lộ giới rộng 30m;

+ Phía Đông giáp Biển Đông;

+ Phía Nam giáp Khu dịch vụ hậu cần nghề cá;

+ Phía Tây giáp đường quy hoạch lộ giới 45m.

- Giai đoạn lập quy hoạch: 2021-2025.



Hình 1: Sơ đồ vị trí Khu NNƯDCNC phát triển tôm tỉnh Bình Định

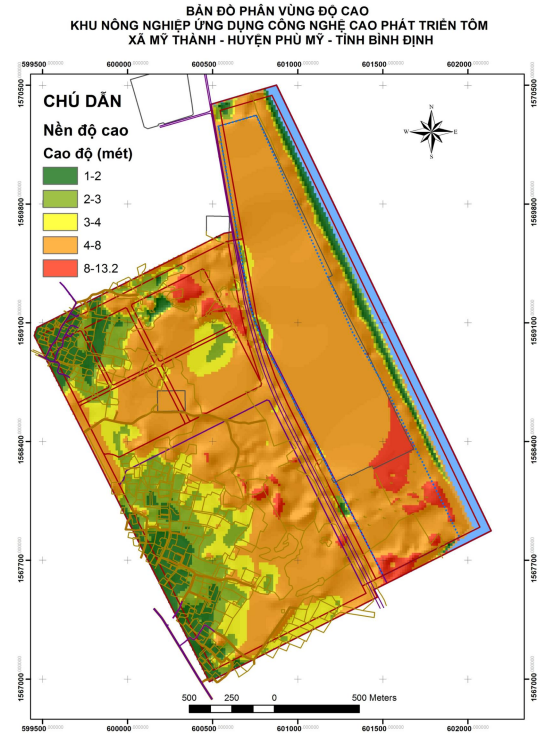
Khu vực điều chỉnh dự án là dải đất cát ven biển Đông, được hoàn nguyên sau khai thác Titan, nằm cách xa khu dân cư, đối diện Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ (là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao) đang đầu tư nuôi tôm

thương phẩm công nghệ cao nên thuận lợi cho hình thành và phát triển Khu nông nghiệp công nghệ cao phát triển tôm.

## II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

### 1. Địa hình

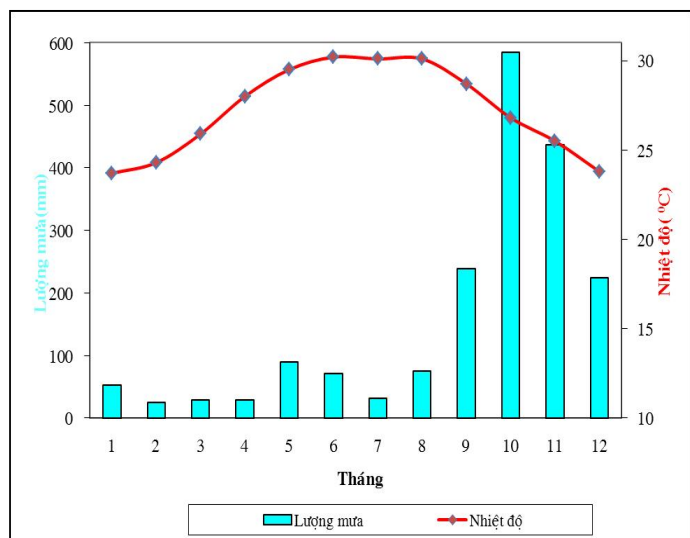
Khu vực quy hoạch nằm ở dải đất ven biển phía Đông đầm Đègi thuộc xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ. Do đây là vùng khai thác titan trước đây được nên có địa hình tự nhiên bị tác động khá lớn, tạo ra những khu vực cao, thấp, lồi lõm cục bộ. Theo bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 do dự án đo vẽ thì độ cao trung bình khu vực phía Đông tuyến đường ven biển khoảng 6-8m, vùng cao nhất khoảng 9m và vùng thấp nhất khoảng 4,3m. Khu vực phía Tây tuyến đường ven biển có cao độ trung bình khoảng 3-4m, vùng cao nhất khoảng 7-8m, cá biệt có điểm cao 13,2m, vùng thấp nhất khoảng 2-3m, cá biệt có điểm thấp khoảng 1m; thấp dần về phía đầm Đègi. Do chênh lệch độ cao lớn nên việc san lấp mặt bằng có khối lượng lớn, tốn kém kinh phí; trong đó việc xác định cốt nền san lấp là rất quan trọng, sao cho tối ưu hóa việc san lấp, khối lượng đào bằng khối lượng lấp để không tốn kinh phí đưa khối lượng dư hoặc mang khối lượng thiếu vào vùng san lấp.



Hình 2: Mô hình DEM khu dự án

### 2. Khí hậu

- Vùng dự án nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm 27 - 27,5<sup>0</sup>C. Lượng mưa trung bình năm 1.800 - 1.900mm, số liệu quan trắc trạm Phù Mỹ. Lượng mưa phân bố theo mùa rõ rệt, mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 5) chiếm 75 - 80% lượng mưa cả năm trùng với mùa bão nên thường xuyên gây ra gió lớn kết hợp với lũ, lụt; do vậy, trong xây dựng các công trình nuôi tôm cần phải tính toán để chống chịu bão, tốn kém kinh phí hơn nhiều



Hình 3: Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa các tháng trong năm (trạm Phù Mỹ – Nguồn: NGTK 2020 tỉnh Bình Định)

12)

SO

với vùng ĐBSCL. Mùa khô kéo dài (Từ tháng 1 đến tháng 8) gây nên hạn hán ở nhiều nơi, nhiệt độ trung bình 30°C, có khi tăng rất cao (trên 35°C), nên trong xây dựng nhà kính, nhà lưới nuôi tôm cần có giải pháp ổn định nhiệt độ phù hợp với yêu cầu sinh thái của con tôm.

- Khu vực dự án có 2 mùa gió chính, gió mùa đông và gió mùa hè. Mùa hè (từ tháng 4 - tháng 9) hướng gió thịnh hành là hướng Đông và Đông Nam. Mùa đông (từ tháng 10 - tháng 3 năm sau) hướng gió thịnh hành là hướng Tây Bắc và Bắc. Tốc độ gió trung bình khoảng 2 - 4m/s. Khi có bão vận tốc gió có thể lên đến 40m/s.

- Mùa bão ở đây từ tháng 9 - tháng 11, tháng 10 là tháng nhiều bão nhất. Trung bình hàng năm có khoảng 01-02 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào Bình Định, nhưng trong những năm thời tiết cực đoan và tác động của biến đổi khí hậu dẫn tới 3-4 cơn bão/năm. Mưa bão là loại thiên tai chính gây thiệt hại nặng nề cho người và phương tiện nghề cá nơi đây. Mùa bão trùng với mùa mưa cũng là thời kỳ có nhiều những cơn giông gây mưa to gió lớn làm tăng mức độ nghiêm trọng của lũ lụt khi có bão.

### 3. Đặc điểm thủy văn

Khu vực quy hoạch là dải cồn cát ven biển được hoàn nguyên sau khai thác Titan nên hầu như không có nguồn nước ngọt (sông suối) chảy qua. Riêng về đặc điểm thủy văn của vùng biển khu vực Đê Gi – Mỹ Thành được phân tích trong Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc đường ven biển đoạn Đê Gi – Mỹ Thành, khái quát một số đặc điểm chính về thủy văn vùng biển này như sau:

- Thủy triều: Khu vực cửa biển Đê Gi nằm trong vùng nhật triều không đều. Hàng tháng, số ngày nhật triều chiếm khoảng 18÷22 ngày. Độ lớn triều khoảng 1,6 ÷ 2,3m.

- Dòng chảy: Tham khảo “Nghiên cứu thiết lập các luận cứ khoa học làm cơ sở ban đầu cho việc cải tạo cửa Đê Gi” của TS Trương Đình Hiền (Phân viện Vật lý TP. Hồ Chí Minh) thực hiện năm 2000 ÷ 2001 và các kết quả nghiên cứu khác trong các bước trước đây, dòng chảy tại khu vực nghiên cứu có đặc điểm:

+ Trong mùa khô, dòng chảy qua mặt cắt thủy văn cửa Đê Gi có hướng chủ yếu là hướng Tây và hướng Đông - Nam. Ngoài ra còn xuất hiện các hướng phụ là hướng Đông, hướng Tây - Nam và hướng Tây Bắc với tần suất khá nhỏ. Dòng chảy mang tính chủ yếu là bán nhật triều lưu. Dòng triều lưu không chế toàn bộ vùng nghiên cứu từ tầng mặt tới tầng đáy. Tốc độ dòng chảy trung bình trong toàn giai đoạn khảo sát tại tầng mặt là 28,6cm/s, tại tầng giữa là 25,7cm/s và tại tầng đáy là 19,4cm/s. Tốc độ cực đại là 76cm/s.

+ Trong mùa mưa, đặc biệt là vào thời kỳ có lũ, dòng chảy qua mặt cắt thủy văn cửa Đê Gi tại tầng mặt có tần suất xuất hiện theo hướng Tây rất nhỏ, không đáng kể. Hướng chảy chủ yếu của tầng mặt là hướng Đông và hướng Đông - Nam. Điều trên cho thấy trong thời kỳ mùa lũ, nước sông đổ ra chiếm chủ yếu ở lớp mặt và tạo ra dòng chảy gần như một chiều hướng ra biển, ảnh hưởng của triều lưu ở tầng mặt

hết sức yếu ớt và mờ nhạt. Tại tầng giữa và tầng đáy, dòng chảy chủ yếu theo hướng Đông, hướng Đông - Nam và hướng Tây. Dòng chảy ở tầng giữa và tầng đáy mang tính chất dòng triều hết sức rõ rệt. Tốc độ dòng chảy trung bình trong toàn giai đoạn khảo sát vào mùa mưa tại tầng mặt là 41,3cm/s, tại tầng giữa là 31,9cm/s và tại tầng đáy là 24,8cm/s. Tốc độ cực đại lớn nhất trong thời kỳ khảo sát là 96cm/s tại tầng mặt trong pha triều rút kỳ triều cường.

Với đặc điểm thủy triều và xu hướng dòng chảy hải lưu theo mùa như trên nên cần phải nghiên cứu bố trí các cửa lấy và xả nước theo từng mùa cho phù hợp với yêu cầu nuôi tôm công nghệ cao.

#### **4. Tài nguyên nước**

- Nước mặt: Khu vực dự án là dải cồn cát ven biển, được hoàn nguyên sau khai thác Titan, không có nguồn nước mặt chảy qua.

- Nước dưới đất: Khu vực quy hoạch thuộc vùng nước ngầm có trữ lượng khá tốt, có khả năng khai thác khoảng 3.000m<sup>3</sup>/giếng khoan/ngày đêm, độ sâu 20m, chất lượng khá tốt, đáp ứng yêu cầu nước sinh hoạt trong những năm trước mắt, khi chưa đầu tư xây dựng được nhà máy nước tại xã Mỹ Thành (nguồn nước tại đập Đức Phổ - nguồn nước hồ Định Bình qua kênh Văn Phong về sông La Tinh).

- Nước biển: Vùng dự án gần biển (quy hoạch cách bờ biển 100m), nước biển không ô nhiễm, độ mặn phù hợp cho nuôi tôm công nghệ cao với chất lượng tốt.

#### **5. Tài nguyên đất**

Đất đai trong vùng dự án thuộc nhóm đất cát, do sự bồi lắng từ sản phẩm thô (Granite) của dãy Trường Sơn. Nhóm đất cát có độ phì nhiêu tự nhiên thấp, được gọi là “đất có vấn đề” muốn khai thác sử dụng vào mục đích nông nghiệp phải có sự đầu tư cải tạo đáng kể. Do vậy, việc quy hoạch khu vực này thành khu nuôi tôm với trại nuôi lót bạt là hợp lý.

Phân tích kim loại nặng trong đất, hàm lượng Cu, Zn, Cr, Pb, Cr, As trong đất thấp, đất không bị ô nhiễm kim loại nặng; việc nuôi tôm trong ao lót bạt không ảnh hưởng bởi kim loại nặng trong đất.

#### **6. Đặc điểm hiện trạng**

##### **6.1. Hiện trạng sử dụng đất**

Tổng diện tích thuộc khuôn viên điều chỉnh dự án dự án là 375ha Diện tích bị ảnh hưởng điều chỉnh là 248,66 ha ( trong đó các khu vực điều chỉnh ước 40 % diện tích khu vực bị ảnh hưởng), nằm trọn trong ranh giới hành chính xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 150,94ha, chiếm 40,25% diện tích toàn khu, bao gồm: 0,28 ha đất trồng lúa, 70,35 ha đất cây hàng năm (hoa màu); 76,45ha đất cây lâu năm, 2,72 ha đất vườn, 1,14 ha là đất rừng sản xuất.

- Đất phi nông nghiệp: 159,95ha, chiếm 42,56% tổng diện tích khu, bao gồm: 1,97 ha đất khai thác khoáng sản, 3,70 ha đất ở nông thôn, 162,34 ha đất sản xuất kinh

doanh (đã giao Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ), 25,32 ha đất giao thông (chủ yếu là diện tích chiếm đất của đường ven biển Quốc gia), 0,56 ha đất thủy lợi, 0,89 ha đất mặt nước chuyên dùng và 1,17 ha đất nghĩa địa.

- Đất chưa sử dụng: 64,11ha, chiếm 17,10%, hầu hết là đất còn cát sau khai thác Titan.

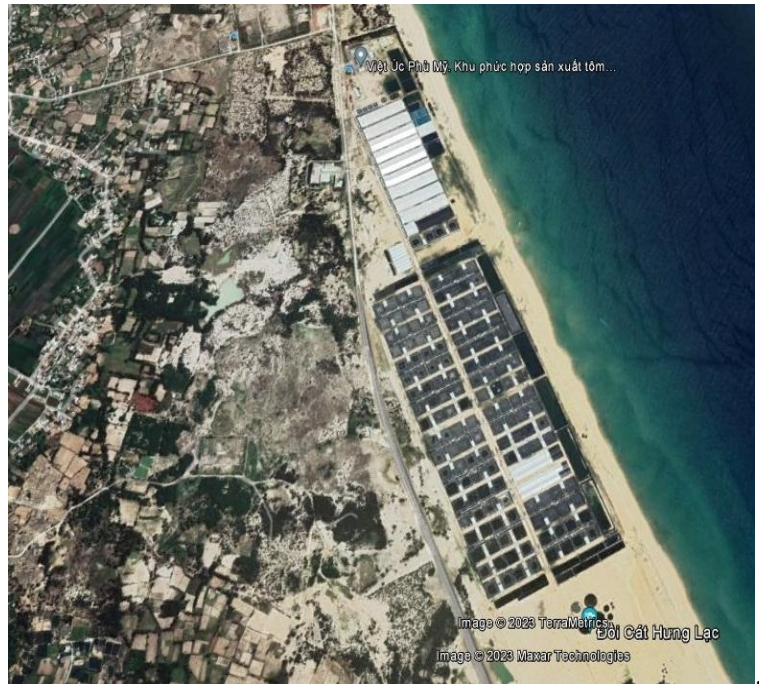
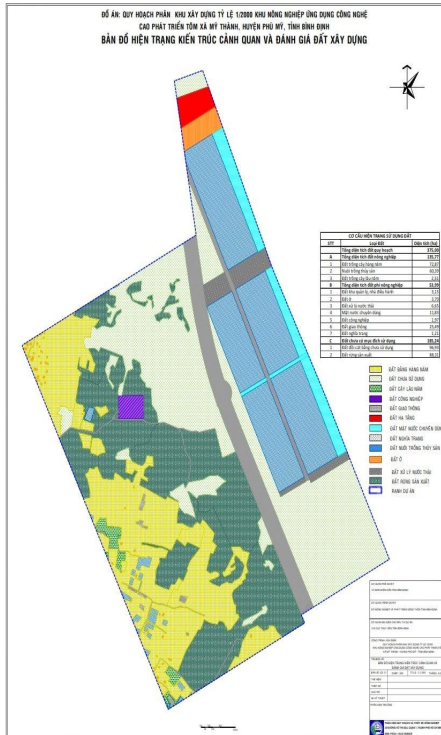
Vùng dự án, phân bố ở 3 thôn: Hòa Hội Nam, Hưng Tân, Hưng Lạc.

**Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất Khu NNƯDCNC**

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>*</b>	<b>Tổng diện tích đất</b>	<b>375</b>	<b>100</b>
<b>I</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>150.94</b>	<b>40.25</b>
1	Đất lúa	0.28	0.07
2	Đất trồng cây hàng năm	70.35	18.76
3	Đất vườn	2.72	0.73
4	Đất trồng cây lâu năm	76.45	20.39
5	Đất rừng sản xuất	1.14	0.3
<b>II</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>159.95</b>	<b>42.65</b>
1	Đất khai thác khoáng sản	1.97	0.53
2	Đất ở	3.7	0.99
3	Đất sản xuất kinh doanh (đã giao Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ)	126.34	33.69
4	Đất giao thông	25.32	6.75
5	Đất thủy lợi	0.56	0.15
6	Đất mặt nước chuyên dùng	0.89	0.24
7	Đất nghĩa trang	1.17	0.31
<b>III</b>	<b>Đất chưa có mục đích sử dụng</b>	<b>64.11</b>	<b>17.1</b>
1	Đất đồi cát bằng chưa sử dụng	64.11	17.1

Nguồn: Tổng hợp từ hiện trạng sử dụng đất





Hình 4: Sơ đồ hiện trạng và ảnh chụp thực tế khu đất Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm

## 6.2. Hiện trạng cảnh quan

Khu vực quy hoạch hiện có 02 vùng cảnh quan đặc trưng:

- Vùng nuôi tôm công nghệ cao: Tập trung ở phía Đông của tuyến đường ven biển, trải dài khoảng 3km dọc theo bờ biển. Đã được Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ san nền và xây dựng thành các trại nuôi tôm công nghệ cao với quy mô 126ha.
- Vùng đồi cát, rừng thông: Phân bố ở phía Tây tuyến đường ven biển, với những đồi cát trồng thông cao, tháp cục bộ do quá trình khai thác Titan để lại.



A

B

## 6.3. Các dự án đã và đang triển khai thực hiện trên địa bàn

Khu vực quy hoạch nằm ở vùng ven biển, dọc tuyến đường ven biển đoạn Đê Gi – Mỹ Thành, trong khu vực có một số dự án quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện như sau:

- (1). Đồ án Quy hoạch chung Khu đô thị - công nghiệp – dịch vụ Vùng đầm



Đề nghị đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-CTUBND ngày 24/2/2011

- Khu vực Mỹ Thành được xác định là khu vực phát triển đô thị chuyên ngành với chức năng: Đô thị, công nghiệp chế biến thủy hải sản, vùng khai thác khoáng sản (titan), dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu tàu thuyền...

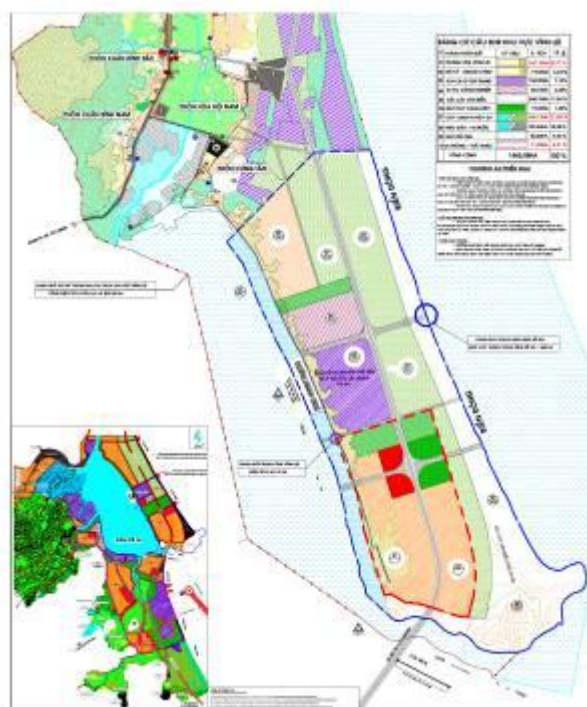
- Cấu trúc không gian khu vực xác định với trục chính là tuyến đường ven biển quốc gia đoạn qua khu vực, gắn kết với trục giao thông thủy trên đầm Đề Gi.



(2). Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu vực Vĩnh Lợi, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ đến năm 2025 theo hướng đạt chuẩn đô thị loại V (được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 21/4/2015.

- Quy hoạch chung khu vực Vĩnh Lợi, xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ theo hướng đạt chuẩn đô thị loại V với tính chất là đô thị chuyên ngành thủy hải sản và dịch vụ, lấy công nghiệp thủy hải sản làm động lực chính để phát triển đô thị đặc thù khu vực ven biển, kết hợp ngành nghề đánh bắt thủy hải sản đan xen dịch vụ chế biến sâu.

- Tổng diện tích quy hoạch là 1.460 ha, trong đó khu vực trung tâm đô thị Vĩnh Lợi có diện tích 347 ha (dân số quy hoạch đến năm 2025 đạt 20.560 người. Đất cụm công nghiệp chế biến thủy sản 54 ha, khu dịch vụ hậu cần nghề cá 23,68 ha, khu neo đậu tàu thuyền.



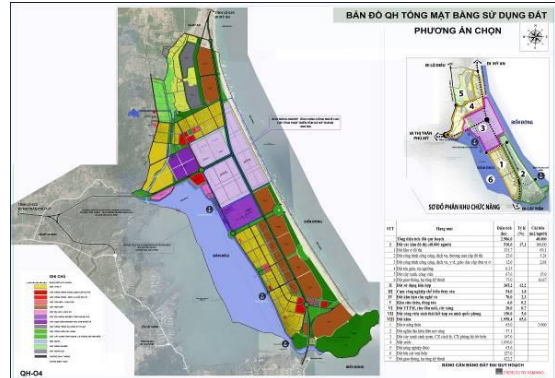
- Tình hình thực hiện đồ án: Do đồ án định hướng phụ thuộc chính vào việc hình thành trục đường ven biển quốc gia đoạn qua khu vực Mỹ Thành, nên tính đến thời điểm hiện tại chưa có dự án nào triển khai theo quy hoạch.

(3). Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc đường ven biển đoạn

Đề gi – Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ (UBND tỉnh Bình Định phê duyệt đồ án quy hoạch tại Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 14/7/2021).

Theo đó:

- Quy hoạch khu vực theo hướng đô thị chuyên ngành đạt chuẩn đô thị loại V (theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018).



- Tổng diện tích quy hoạch là 2.986ha, quy hoạch thành 04 phân khu chức năng: Phân khu đô thị phía Nam; Phân khu du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp; Phân khu Nông nghiệp công nghệ cao – công nghiệp – dịch vụ; Phân khu đô thị - dịch vụ du lịch phía bắc; Khu ở nông thôn hiện hữu; Vùng mặt nước đầm Đè gi.

(4). Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNƯDCNC) phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

- Đề án được lập từ năm 2017 theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản 436/TB-VPCP với quy mô 406 ha, sản phẩm chủ lực là tôm thương phẩm chất lượng cao.

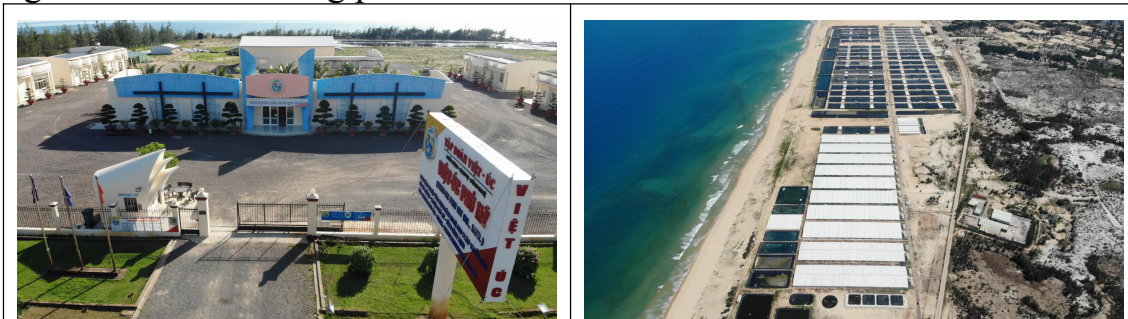
- Ngày 29/6/2020, UBND tỉnh Bình Định phê duyệt đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Căn cứ Quyết định số 2574/QĐ-UBND), với diện tích 406 ha. Trong đó, đưa chia thành 03 khu: Khu trung tâm 61,5ha; Khu sản xuất, chế biến 232,2ha; Khu xử lý nước thải, chất thải 52ha và các khu còn lại 60,3ha



- Trong Khu NNƯDCNC, năm 2015 UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư tại văn bản số 2369/UBND –TH ngày 29/05/2015 cho Công ty Việt – Úc triển khai thực hiện dự án Nuôi trồng, sản xuất, chế biến, kinh doanh tôm thương phẩm siêu thâm canh công nghệ cao trong nhà kính. Trên cơ sở đó, Công ty TNHH Việt Úc – Phù Mỹ tổ chức thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8743557740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp chứng nhận lần đầu ngày 30/6/2015 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 22/3/2016 với quy mô diện tích

116,34ha. Đồng thời, trước đó Công ty Việt - Úc Phù Mỹ cũng đã được giao 10ha để xây dựng cơ sở nuôi tôm giống. Như vậy, tổng diện tích đã giao cho Việt - Úc là 126,34ha.

- Hiện tại, Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ đã san nền, triển khai xây dựng hạ tầng và nuôi tôm thương phẩm.



Tuy nhiên, theo Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc đường ven biển đoạn Đêgi – Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, ranh giới không gian Khu NNUĐCNC đã thay đổi và đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 về phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế và dự toán chi phí thiết kế Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do vậy, trong đồ án quy hoạch phân khu này diện tích khu vực điều chỉnh sẽ lấy theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Quy mô diện tích 375ha).

#### 6.4. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- *San nền và thoát nước mưa*: Khu vực 126, 34 ha đã giao cho Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ đã hoàn thành đầu tư xây dựng hoàn thành các trại nuôi tôm công nghệ cao. Nước mưa được thoát theo các mương thoát, thấm tự nhiên và chảy ra biển. Khu vực phía Tây tuyến đường ven biển chưa được san lấp; nước mưa tiêu thoát bằng thấm tự nhiên, thoát theo địa hình và đổ ra đầm Đêgi.

- *Giao thông*:

+ Tuyến đường ven biển Quốc gia, đoạn qua dự án khoảng 3km, có lộ giới 90m, mặt đường 22m, toàn tuyến đang được đầu tư nhựa hóa, chạy dọc theo giữa khu vực dự án từ Bắc xuống Nam.

+Tuyến đường từ đường ĐT 632 vào khu vực dự án dài 2,1km, chiều rộng 4,5m đã được bê tông hóa đạt 100%.

- *Hiện trạng cấp điện*: Khu đất dự án đã cấp điện từ lưới điện Quốc gia theo đường dây 35kV chạy dọc theo biên giới phía Tây dự án được cấp từ trạm 110kV nằm cách dự án 500m về phía Tây. Tại khu vực nuôi tôm của Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ đã lắp đặt 02 trạm biến áp 250kVA và hệ thống đường dây 0,4kV cấp điện đến khu vực văn phòng, các trại nuôi đã được xây dựng và dọc theo bờ biển để cung cấp cho hệ thống bơm nước biển vào và chiếu sáng cho toàn bộ khu vực nuôi tôm.



- *Hiện trạng cấp nước:* Hiện trạng khu đất dự án chưa có tuyến cấp nước sạch xung quanh, việc cấp nước sạch cho sinh hoạt hiện dùng giếng khoan và nước mặn để phục vụ cho sản xuất tôm thương phẩm được lấy từ biển.

- *Thông tin liên lạc:* Dịch vụ viễn thông đã được đầu tư đến trung tâm khu vực nhưng dung lượng còn giới hạn nên chất lượng đường truyền chưa ổn định khi thời tiết không thuận lợi.

- *Hiện trạng dân cư và các công trình khác:* Khu vực dự án chỉ có một số ít hộ dân sinh sống rải rác, không có công trình tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử hay các công trình hạ tầng dân dụng. Đây được xem là một lợi thế trong triển khai xây dựng Khu NNUDCNC.

### **6.5. Hiện trạng môi trường**

Nhìn chung, môi trường toàn bộ khu vực vẫn được đảm bảo nhờ vẫn giữ được môi trường tự nhiên và ít bị tác động của con người. Riêng khu vực dự án đã cấp cho Công ty TNHH Việt - Úc nuôi tôm thương phẩm thì đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được quan trắc theo dõi thường xuyên. Trong đó:

- Nước thải sau khi được thải ra từ các ao nuôi sẽ được tập trung tại hệ thống xử lý nước thải. Nước thải từ ao nuôi, đầu tiên sẽ qua song chắn rác nhằm mục đích loại bỏ sơ bộ các chất thải rắn trước khi vào bể lắng sơ bộ, tại đây hiệu suất xử lý chất thải rắn (SS) vào khoảng 40-50%.

+ *Ao lắng 1:* Nước thải sau khi được qua song chắn rác được cho vào ao lắng 1, dựa trên cơ sở trọng lực của các hạt lơ lửng có trong nước thải với mục đích lắng bùn, cát để làm trong nước, hàm lượng chất rắn giảm xuống 40-45%, BOD<sub>5</sub> giảm tới 50%, còn lại COD và Nito đều giảm xuống 40%.

+ *Ao xử lý sinh học hiếu khí MBBR:* Tiếp theo nước thải chảy qua ao xử lý sinh học hiếu khí để xử lý, nhờ vi sinh các chất hữu cơ có trong nước thải sẽ được phân huỷ và quá trình cấp khí liên tục từ máy thổi khí qua hệ thống tán khí tinh đặt dưới trong ao để đảm bảo khử các chất ô nhiễm như BOD, COD, SS.... Thông qua máy thổi khí lượng oxy được đưa vào bể là hết sức cần thiết cho vi sinh vật hiếu khí để chuyển hóa các chất hữu cơ có trong nước thải sẽ bị phân huỷ thành các chất vô cơ đơn giản làm nồng độ BOD giảm xuống từ 60- 70%, đặc biệt là làm tăng hiệu quả xử lý Nitrat hóa có trong nước thải.

Lượng bùn trong ao lắng luôn được duy trì một tỷ lệ nhất định nhờ quá trình tuần hoàn bùn về từ ao lắng bùn 2.

- *Ao lắng 2:* Nước thải sau khi được vi sinh chuyển hóa và kết thành bông bùn lớn sẽ chảy sang ao lắng 2 để lắng cặn. Các bông cặn hình thành có tỉ trọng đủ lớn thắng được vận tốc của dòng nước thải đi lên sẽ lắng xuống đáy ao lắng. Nước thải ra khỏi ao lắng có nồng độ BOD, COD giảm 70-75% (hiệu quả lắng đạt 85-95%). Phần nước trong sẽ chảy qua ao nuôi cá.

- *Ao nuôi cá:* Trong nước thải sau khi qua ao lắng 2 có chứa các loại sinh vật phù du và các hợp chất hữu cơ lơ lửng trong nước là nguồn thức ăn cá, cho nên nước

thải được cho qua ao nuôi cá sẽ được làm sạch hơn, trước khi thải ra ngoài môi trường biển đạt QCVN 40 :2011/BTNMT cột B với  $K_f = 0,9$ ;  $K_q = 1,3$  và QCVN 02-19:2014/ BNNPTNT.

Theo kết quả phân tích mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải và các ngày 8, 9, 10 tháng 10 năm 2019 do Công ty Cổ phần Dịch vụ tư vấn Môi trường Hải Âu thực hiện và ngày 31/7/2019 do Trung tâm Quan trắc môi trường tỉnh Bình Định thực hiện. Kết quả cho thấy hầu hết các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 02-19:2014/ BNNPTNT.

**Bảng 2: Kết quả phân tích nước thải trại nuôi tôm sau xử lý**

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B	QCVN 02-19:2014/ BNNPTNT
			8/10	9/10	10/10	31/7		
1	pH	-	7,21	7,18	7,15	7,23	5,5 – 9	5,5-9
2	TSS	mg/l	8	14	18	9	100	100
3	COD	mgO <sub>2</sub> /L	14,0	22,0	26,1	14	150	150
4	BOD <sub>5</sub>	mgO <sub>2</sub> /l	8,2	11,0	12,7	6	50	50
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	0,25	0,44	0,46	2,24	10	-
6	Clor dư	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	2	-
7	Tổng Nito	mg/l	2,12	3,27	3,22	4,2	40	-
8	Tổng Phốtpho	mg/l	0,37	0,21	0,25	1,04	6	-
9	Tổng coliform	MPN/100 mL	KPH	KPH	KPH	KPH	5.000	5.000
10	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Không quan sát thấy váng, nhũ

Nguồn: Công ty CP DVTV Môi trường Hải Âu và TT. Quan trắc môi trường tỉnh Bình Định

**Bảng 3: So sánh kết quả phân tích mẫu nước thải so với nước biển ven bờ**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	NTTB	Kết quả		QCVN 10-MT:2015/ BTNMT
				NB1	NB2	
1	pH	-	7,18	7,06	7,10	6,5 – 8,5
2	DO	mg/l	-	5,53	5,33	>4
3	TSS	mg/l	13,3	6,00	10,00	50
4	COD	mg/l	20,70	3,00	5,00	-
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	0,38	0,014	0,018	0,1
6	Tổng dầu, mỡ khoáng	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	0,5
7	Coliform	mg/l	KPH	366,7	500,0	1.000

**Ghi chú:** NTTB: Kết quả mẫu trung bình của các chỉ tiêu trong 3 đợt quan trắc hiện trạng vào ngày 8, 9, 10/10 năm 2019

- NB1: Nước biển ven bờ vị trí bơm nước biển vào hiện hữu, phía Đông Bắc dự án, tọa độ  $X = 1.570.090$   $Y = 600.994$

- NB2: Nước biển ven bờ gần khu đất dự án, phía Đông Nam dự án, tọa độ  $X = 1.568.234$ ;  $Y = 602.879$ .

- KPH: Không phát hiện.

- QCVN 10-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển. Cột giá trị áp dụng Bảng 1 - đối với nước biển ven bờ, Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thủy sinh.

- Kết quả phân tích chất lượng nước biển ven bờ tại bờ biển gần dự án (Biển

Đông, nơi lấy nguồn nước cấp cho khu nuôi tôm) và so sánh với các chỉ tiêu của nước thải sau xử lý nhận thấy hầu hết các chỉ tiêu nước thải đều nằm trong giới hạn cho phép của *QCVN 10-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển. Cột giá trị áp dụng Bảng 1 - đối với nước biển ven bờ, Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo vệ thủy sinh.*

- Với lưu lượng nước thải thải ra ngoài môi trường theo dự tính: 18.000m<sup>3</sup>/ngày  $\approx$  0,21 m<sup>3</sup>/s.

Vậy với tính chất và lưu lượng nước thải này khi được xử lý đạt quy chuẩn và được pha loãng với nước biển thì hoàn toàn có thể đảm bảo được mục đích sử dụng nước biển.

Từ đây nhận thấy với quy trình công nghệ và khối lượng các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải như trên đã đáp ứng được yêu cầu xử lý nước thải từ các ao nuôi tôm công nghệ cao. Các chỉ tiêu trong nước thải ao nuôi qua quá trình xử lý đều nằm trong ngưỡng cho phép của các quy định hiện hành.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

- Các nội dung thuộc khu vực phía đông đã giao cho Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ thực hiện theo (*Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/1/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành*)

- Điều chỉnh một phần khu phía đông bắc đường ven biển diện tích 1,95 ha.

- Điều chỉnh tổ chức phân khu lại khu vực phía Tây đường ven biển với diện tích 216,35 ha bố trí lại trung tâm, khu chức năng phục vụ sản xuất nuôi tôm, khu chế biến, nhà máy sản xuất thức ăn..., khoanh vùng giữ lại khu dân cư hiện trạng khu vực Tây để đảm bảo ổn định đời sống các hộ dân.

### **IV. ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP**

#### **1. Đánh giá những mặt mạnh, yếu, cơ hội, thách thức (SWOT)**

##### **1.1. Những mặt mạnh (S)**

- Trong vùng quy hoạch khu NNƯDCNC Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, hiện đã có Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Bình Định) đầu tư nuôi tôm siêu thâm canh công nghệ cao (126ha), đây là doanh nghiệp mạnh về quản lý, tài chính và công nghệ nuôi tôm. Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ sẽ đóng vai trò là doanh nghiệp hạt nhân trong Khu NNƯDCNC nên khả năng thành công rất cao trong việc xây dựng, hình thành và phát triển Khu NNƯDCNC.

- Hiện trạng hạ tầng giao thông, điện nước qua khu vực dự án khá hoàn chỉnh việc hoàn thành đầu tư xây dựng tuyến đường ven biển và Cầu vượt biển Đề Ghi đã tạo điều kiện thuận lợi về giao thông kết nối khu vực dự án với cảng Quy Nhơn, quốc lộ 1A, 1D, 19, 19B, 19C thuận lợi hơn.

- Các dự án động lực của tỉnh Bình Định xung quang khu vực dự án Cảng

tổng hợp quốc tế Long Sơn, khu đô thị biển Cát Khánh, Khu đô thị Mỹ Thành... đang được đầu tư nhanh chóng thu hút nguồn lao động đặc biệt lao động có trình độ, kỹ thuật cao ngày càng lớn.

- Hiện trạng sử dụng đất trong khu chủ yếu là đất trống (rừng sản xuất, chưa sử dụng), đất sản xuất và nhà ở của người dân chiếm tỷ lệ rất nhỏ, do vậy giúp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nhanh.

- Đất đai trong vùng dự án thuộc nhóm đất cát, nên thuận lợi cho thi công san lấp mặt bằng và đào ao nuôi tôm.

- Hiện trên địa bàn có nhiều dự án đầu tư nuôi tôm siêu thâm canh công nghệ cao hoạt động có hiệu quả nhiều năm nay là điều kiện phù hợp để tiếp tục đầu tư dự án.

- Khu vực xây dựng Khu NNUDCNC nằm gần bờ biển (cách khoảng 100m), nên việc cấp và thoát nước cho nuôi tôm rất thuận lợi. Chất lượng nước biển khu vực này nằm trong ngưỡng thích nghi cho nuôi tôm chất lượng cao.

### **1.2. Những điểm yếu/hạn chế (W)**

- Địa hình không bằng phẳng, lồi lõm cục bộ, vùng cao nhất khoảng trên 9m, vùng thấp nhất là 2m, do chênh lệch độ cao lớn nên việc san lấp mặt tốn kém kinh phí.

- Khu vực dự án nằm trong vùng quy hoạch đô thị Mỹ Thành nên trong tương lai sẽ hình thành Cụm công nghiệp chế biến thủy hải sản, Khu dịch vụ hậu cần nghề cá, các khu dân cư đô thị, do vậy phải tốn kém chi phí đầu tư công trình và mặt bằng để trồng các dải cây xanh cách ly nhằm đảm bảo an toàn sinh học cho khu nuôi tôm công nghệ cao.

- Khu vực dự án không có nguồn nước mặt (nước ngọt) để phục vụ cho sinh hoạt, cho nhà máy chế biến thức ăn và chế biến tôm, cũng như khu nuôi tôm giống. Do đó, tỉnh cũng cần quan tâm đầu tư hệ thống cấp nước tập trung cho cả vùng để giảm tải việc khai thác nước ngầm là suy kiệt tài nguyên nước dưới đất.

- Điều kiện kinh tế xã hội của địa phương còn nhiều khó khăn chưa thể bàn giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư được và buộc phải tạm ứng chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do đó gây nên những áp lực rất lớn về nguồn vốn đầu tư cho nhà đầu tư được lựa chọn.

- Hiện tại trên địa bàn tỉnh đang thực hiện nhiều dự án quan trọng như Đường bộ Cao tốc Bắc Nam, Đường ven biển đoạn còn lại, đường quốc lộ 19 các khu đô thị do đó đội ngũ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường quá tải các nội dung công việc ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ thực hiện dự án.

### **1.3. Những cơ hội (O)**

- Công nghệ nuôi tôm ngày càng phát triển, Công ty TNHH Việt – Úc Phù Mỹ (doanh nghiệp hạt nhân của Khu) có năng lực tiếp cận nhanh khoa học công nghệ và ứng dụng vào nuôi tôm CNC siêu thâm canh, có những mô hình tiết kiệm nước, giải quyết tốt vấn đề môi trường, nâng cao năng suất và chất lượng, nâng cao sức cạnh

tranh và hiệu quả ngành tôm Bình Định, Việt Nam.

- Việc thành lập khu NNƯDCNC Mỹ Thành, Phù Mỹ đang được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước và chính quyền địa phương. Đặc biệt là chương trình ngành tôm xuất khẩu 10 tỷ USD của cả nước tác động tích cực đến phát triển Khu NNƯDCNC Mỹ Thành.

- Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào thị trường thế giới (trong đó có thị trường tôm xuất khẩu), đây là cơ hội thúc đẩy, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi tôm công nghệ cao để xuất khẩu.

#### **1.4. Những nguy cơ/thách thức (T)**

- Khu NNƯDCNC Mỹ Thành, Phù Mỹ nằm gần biển, sẽ chịu tác động không nhỏ và gặp không ít khó khăn trong mùa mưa bão, do vậy kinh phí đầu tư cho xây dựng nhà màng nuôi tôm sẽ cao hơn ở vùng ĐBSCL.

- Biến đổi khí hậu có thể làm cho hạn hán gay gắt hơn và tần suất cao hơn, ứng phó với thiếu nước ngọt sẽ khó khăn hơn, tiềm ẩn nguy cơ giảm năng suất tôm do thiếu nước ngọt để điều chỉnh độ mặn trong các ao nuôi tôm.

- Việc tuyển lao động có trình độ kỹ thuật cao, đáp ứng được yêu cầu nuôi tôm CNC sẽ gặp nhiều khó khăn do nằm xa các đô thị lớn, điều kiện cuộc sống của khu vực còn nhiều hạn chế.

- Cạnh tranh mạnh hơn từ các nước xuất khẩu tôm như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan,... Giá tôm xuất khẩu còn biến động khó lường, ảnh hưởng đến phát triển tôm cả nước cũng như trong Khu NNƯDCNC Mỹ Thành.

- Quản lý vĩ mô trên phạm vi toàn ngành hàng tôm của cả nước chậm đổi mới, kém hiệu lực và hiệu quả sẽ gây thiệt hại cho người sản xuất tôm như giá vật tư tăng nhanh hơn tỷ giá hối đoái, sự hụt hơi của nhiều doanh nghiệp sẽ kéo theo nhiều hệ lụy cho phát triển của ngành hàng tôm, nhất là khâu xuất khẩu tôm, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất tôm trong Khu NNƯDCNC Mỹ Thành.

- Việc kiểm soát mở rộng diện tích nuôi tôm ở Bình Định cũng như trên phạm vi toàn quốc nếu không được thực hiện tốt sẽ làm mất cân đối cung cầu, ảnh hưởng xấu đến phát triển tôm toàn quốc nói chung cũng như trong Khu NNƯDCNC Mỹ Thành nói riêng.

#### **2. Đánh giá các lợi thế để hình thành Khu NNƯDCNC phát triển tôm**

- Điều kiện tự nhiên, nguồn nước rất phù hợp là cơ sở quan trọng để phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng, sản lượng tôm nuôi cho tỉnh Bình Định, cũng như khu vực miền Trung.

- Ngành tôm đang được sự quan tâm, hỗ trợ của nhà nước và chính quyền địa phương, tạo điều kiện tốt cho người nuôi phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, kinh nghiệm của cơ sở sản xuất, trình độ chuyên môn kỹ thuật của các doanh nghiệp đã được nâng cao và từng bước đưa khoa học – công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến tôm.



- Ngoài ra, những lợi thế từ hội nhập quốc tế, tự do thương mại, tiếp cận các công nghệ mới để phát triển ngành công nghiệp tôm cả nước.

- Khu nông nghiệp công nghệ cao đóng vai trò “đầu tàu” mở đường cho việc đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi nền nông nghiệp truyền thống, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn hướng tiến nhanh tới hiện đại hóa. Khu nông nghiệp công nghệ cao sẽ đáp ứng mục tiêu dài hạn trong việc phát triển nông nghiệp của nước ta là xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa mạnh, có sức cạnh tranh cao trên thị trường nội địa và xuất khẩu, dựa trên cơ sở phát huy các lợi thế về nguồn nhân lực và tài nguyên thiên nhiên kết hợp với việc áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ nông nghiệp tiên tiến.

- Nông nghiệp công nghệ cao tạo ra một lượng sản phẩm lớn, năng suất cao, chất lượng tốt và đặc biệt là thân thiện với môi trường. Nông nghiệp công nghệ cao sẽ giúp nông dân chủ động trong sản xuất, giảm sự lệ thuộc vào thời tiết và khí hậu do đó quy mô sản xuất được mở rộng. Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao giúp giảm giá thành sản phẩm, đa dạng hóa thương hiệu và cạnh tranh tốt hơn trên thị trường.

Từ đó, ngành tôm Bình Định muốn phát triển bền vững phải đầu tư theo chiều sâu, ứng dụng KHCN để nâng cao sản lượng và giá trị sản phẩm, tạo ra những sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường. Thực tế, sản xuất thủy sản công nghệ cao còn để đáp ứng đòi hỏi về đảm bảo ATTP ngày càng cao của thị trường. Muốn vậy buộc phải sản xuất theo chuỗi, sản xuất quy mô lớn để có thể ứng dụng thiết bị, công nghệ vào quá trình sản xuất.

## PHẦN II

### ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

#### I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

##### 1. Dự báo lao động

Trong khu vực dự án sẽ không bố trí dân cư, chỉ có các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, lực lượng cán bộ, chuyên gia và lao động đến làm việc.

- Căn cứ thực tế hoạt động của các khu nuôi tôm công nghệ cao trong nước và trên thế giới hiện nay, dự kiến số lao động trong lĩnh vực sản xuất là khoảng 6-8 người/ha; số người hoạt động trong khu vực trung tâm (gồm nhiều lĩnh vực như quản lý điều hành, nghiên cứu, đào tạo, triển lãm, ...) dự kiến khoảng 8-10 người/ha.

- Số lượng lao động: Đối với khu vực trung tâm ước khoảng 450-600 người; đối với khu vực sản xuất, chế biến tôm, ước khoảng 1.800-2.000 người.

- Tổng lao động toàn khu ước tính là vào khoảng 2.500-2.600 người. Nếu tính cả số lao động thời vụ, lực lượng tham quan, học tập, nghiên cứu, hội thảo, ... tại các thời điểm có tổ chức sự kiện thì có thể lên đến 4.000 - 5.000 người.

Trong đó, phần lớn sẽ sử dụng lực lượng lao động địa phương, nên không có nhu cầu về ở lại trong Khu. Lực lượng lao động ở lại trong Khu NNUĐCNC chủ yếu là lực lượng quản lý, điều hành và lao động chuyên ngành kỹ thuật, dự báo khoảng 20- 30% lao động ở khu vực trung tâm, tương đương khoảng 120-150 người.

##### 2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong dự án được xác định căn cứ trên cơ sở phân khu chức năng của Khu NNUĐCNC; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng - QCVN 01: 2008/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn mới - QCVN - 14:2009/BXD và các yêu cầu khác về khu ở, khu điều hành, khu sản xuất, ...

- Chỉ tiêu giao thông: Mạng lưới đường giao thông và tỷ lệ đất dành cho giao thông cần bảo đảm yêu cầu hoạt động hiệu quả cho các đối tác hoạt động trong Khu;

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Cấp điện cho công trình dịch vụ, công cộng, công sở:  $(20 \div 30)$  W/m<sup>2</sup> sàn;

+ Cấp điện cho sản xuất công nghiệp: 200 KW/ha;

+ Cấp điện cho kho bãi: 50 KW/ha;

+ Cấp điện cho nuôi tôm công nghệ cao: 20 KW/ha.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước cho công trình dịch vụ, công cộng, công sở:  $\geq 120$  lít/người/ngày đêm.

+ Cấp nước cho khu chế biến: 40 m<sup>3</sup>/ha/ngày đêm;

- + Cấp nước cho nuôi tôm công nghệ cao: 15.000m<sup>3</sup>/ha/mặt nước.
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc:
  - + Có đầy đủ các hệ thống thông tin liên lạc đáp ứng các nhu cầu thông tin liên lạc tại Khu NNƯDCNC.
  - + Hệ thống thông tin liên lạc phải đảm bảo thông suốt, an toàn và an ninh mạng.
- Chỉ tiêu thoát nước mưa: Tổ chức thoát nước mưa riêng hoàn toàn khu vực quy hoạch.
- Chỉ tiêu thoát nước thải và vệ sinh môi trường:
  - + Lưu lượng nước thải trong một ngày là 80% lượng nước cấp đối với nước sinh hoạt và 3%/ngày đối với khu nuôi tôm thương phẩm.
  - + Nước thải phải được xử lý tại khu xử lý nước thải tập trung; tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải QCVN: 14-2008 đối với nước sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 02-19:2014/BNNPTNT đối với nước thải khu nuôi tôm thương phẩm; QCVN 11-MT:2015/BTNMT đối với nhà máy chế biến tôm; QCVN 40:2011/BTNMT đối với nhà máy chế biến thức ăn.
- + Rác thải phải được thu gom để đưa về xử lý tập trung của khu vực.
- + Chỉ tiêu rác thải 0,6-1,0 kg/người/ngày đêm.

## **II. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT**

### **1. Các nguyên tắc Khu NNƯDCNC**

- Quy hoạch khu NNƯDCNC thành khu nghiên cứu ứng dụng, hạt nhân về công nghệ nhằm chuyên giao, đào tạo, nhân rộng mô hình nuôi tôm công nghệ cao.
- Thiết kế khu NNƯDCNC đa chức năng: nghiên cứu ứng dụng; thử nghiệm; trình diễn CNC; đào tạo nguồn nhân lực và sản xuất sản phẩm NNƯDCNC chuyên về lĩnh vực tôm, nằm trong hệ thống các khu NNƯDCNC của cả nước, đại diện cho khu vực vùng miền Trung.
- Phương án quy hoạch phải đảm bảo đồng bộ, kết nối về không gian, hạ tầng trong quy hoạch toàn bộ quỹ đất dọc đường ven biển Đègi - Mỹ Thành.
- Phương án thiết kế quy hoạch theo không gian mở, bố trí các khu chức năng phù hợp với từng khu vực cụ thể. Trong đó:
  - + Hệ thống giao thông sẽ cơ bản bám sát các tuyến trục giao thông Bắc – Nam như: Đường ven biển Quốc gia, trục giao thông ven biển, trục giao thông ven đầm Đègi; trục giao thông theo hướng Đông – Tây kết nối Khu NNƯDCNC với bên ngoài chủ yếu thông qua tuyến Mỹ thành đi thị trấn Phù Mỹ.
  - + Khu sản xuất: Sẽ xây dựng những nhà màng cho các trại nuôi tôm, đảm bảo thích ứng được với điều kiện mưa, bão để có thể nuôi 4 vụ/năm.
  - + Phát triển dải rừng phòng hộ ven biển, hệ thống cây xanh cách ly với các khu

dân cư, bảo vệ môi trường và duy trì các hệ sinh thái tự nhiên cũng như những cảnh quan đặc trưng tự nhiên.

- Hệ thống cấp, thoát nước phục vụ nuôi tôm CNC phải được đầu tư hoàn chỉnh, đảm bảo chất lượng nguồn nước, an toàn cho nuôi tôm công nghệ cao.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh, kết hợp với mô hình sản xuất hiện đại, tôn tạo cảnh quan đẹp tạo điểm nhấn để thu hút khách tham quan, du lịch.

## **2. Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất**

### **2.1. Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng**

#### **❖ Định hướng phân khu**

Trên cơ sở đề án phân Khu NNƯDCNC được duyệt theo Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 và quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định theo Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/1/2022 của UBND tỉnh Bình Định việc định hướng phân khu chức năng điều chỉnh như sau:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, không gian kết nối, phù hợp quá trình triển khai xây dựng các hạng mục trong khu, khu NNƯDCNC Bình Định được chia thành 02 phân khu chức năng, mỗi phân khu có các chức năng riêng biệt. Cơ cấu phân khu chức năng như sau:

- Khu trung tâm: Bao gồm: Khu quản lý, điều hành và trung tâm dịch vụ; Khu nhà công vụ, triển lãm, xét nghiệm; Khu nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu nhà ở công nhân và công viên phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TD-TT, bãi đậu xe.

- Khu sản xuất, chế biến: Bao gồm các khu vực nuôi tôm siêu thâm canh; tôm giống; nhà máy chế biến thức ăn, chế biến tôm; hệ thống xử lý nước, chất thải; hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất và cây xanh cách ly tạo vùng đệm xung quanh nhằm đảm bảo an toàn sinh học.

- Đề xuất Khu NNƯDCNC phân thành 2 khu vực.

+ Khu A diện tích 132,06 ha trong đó (đã giao 126,34 ha cho nhà đầu tư Công ty TNHH Việt – Úc Phù Mỹ).

+ Khu B diện tích 213,28 ha gồm 3 khu vực B-1; B-2; B-3:

- Khu B-1 diện tích 1,94 ha.
- Khu B-2 diện tích 110,05 ha.
- Khu B-3 diện tích 101,29 ha.

### **2.2. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng**

#### **2.2.1. Khu trung tâm**

- Diện tích quy hoạch đã được duyệt 53,02 ha chiếm 14,14 % tổng diện tích

toàn khu.

- Diện tích điều chỉnh giảm còn 22,98 ha chiếm 6,13 % tổng diện tích toàn khu.

+ Điều chỉnh một phần khu phía Đông Bắc đường ven biển diện tích 1,94 ha từ đất trung tâm dịch vụ, đất văn phòng tiếp giáp với khu vực đất đã giao cho Công ty TNHH Việt - Úc Phù Mỹ (ký hiệu khu B1) bố trí các công trình: (Bố trí khu nuôi tôm giống diện tích 1,74 ha; Đường ống dẫn nước 0,21 ha).

+ Điều chỉnh tổ chức phân khu lại khu vực phía Tây đường ven biển ký hiệu B2, B3.

Bố trí lại khu văn phòng làm việc dự án và các công trình phụ trợ với diện tích 5,0 ha để xây dựng các công trình phục vụ cho Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm không được phép sử dụng vào mục đích cho thuê, cho thuê lại.



Hình 7: Sơ đồ quy hoạch phân khu trung tâm – khu NNƯDCNC

### 2.2.2. Khu sản xuất, chế biến

Điều chỉnh diện tích đất khu sản xuất từ 321,98 ha tăng lên 322,32 ha nhằm tăng diện tích nuôi, tăng sản lượng tôm thịt đảm bảo chủ động 70% nguồn nguyên liệu cho nhà máy chế biến tôm.

Bố trí lại nhà máy chế biến tôm diện tích 9,83 ha giảm xuống 5,0 ha từ khu vực phía Bắc xuống khu vực phía Nam tiếp giáp với khu Hậu cần nghề cá nhằm đảm bảo yếu tố môi trường.



Bố trí lại nhà máy sản xuất thức ăn cho tôm diện tích 4,69 ha thành 5,0 ha từ khu vực phía Bắc xuống khu vực phía Nam tiếp giáp với khu Hậu cần nghề cá và khu xử lý nước thải nhằm đảm bảo yếu tố môi trường.



Hình 8: Sơ đồ quy hoạch phân khu sản xuất, chế biến – Khu NNƯDCNC

### 2.2.3. Điều chỉnh quy hoạch khoanh vùng giữ lại khu dân cư hiện trạng

Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 thì quy mô diện tích 375ha trong đó có 05 ha khu vực Tây bắc có dân cư sinh sống ổn định dày đặc nên trong đồ án điều chỉnh diện tích này lại giữ nguyên hiện trạng 05 ha này là khu dân cư đảm bảo cho người dân tiếp tục ổn định đời sống sản xuất.



## 2.4. Hệ thống giao thông đối ngoại

Hệ thống giao thông đối ngoại ( Đường ven biển; đường Mỹ Thành đi thị trấn Phù Mỹ với diện tích 24,70 ha).

## 2.5. Quy hoạch sử dụng đất Khu NNƯDCNC

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng, tổng hợp quy hoạch sử dụng đất Khu NNƯDCNC như bảng sau:

**Bảng 4: Bảng cân bằng sử dụng đất.**

Ký hiệu	Hạng mục	Quy hoạch đã được duyệt theo QĐ số 92/QĐ-UBND		Quy hoạch điều chỉnh cục bộ		Tăng(+) giảm (-)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	<b>Khu trung tâm:</b> Khu quản lý điều hành; Khu nhà công vụ, triển lãm, xét nghiệm, hội nghị, Khu nghiên cứu chuyên giao công nghệ và mô hình trình diễn và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm không sử dụng vào mục đích kinh doanh cho thuê lại.	53,02	14,14	22,98	6,13	-30,04
II	<b>Khu sản xuất, chế biến:</b> Khu nuôi tôm giống; Khu nuôi tôm thương phẩm; Khu nhà máy chế biến thức ăn; Khu nhà máy chế biến tôm và hạ tầng kỹ thuật khác (Bao gồm cả khu hiện trạng giữ lại và đất	321,98	85,86	352,02	93,87	30,04

	<i>hạ tầng kỹ thuật ngoài khu trung tâm, khu sản xuất)</i>					
<b>III</b>	<b>Khu hiện trạng khoanh vùng giữ lại</b>			<b>5,00</b>	<b>1,33</b>	<b>5,00</b>
<b>IV</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật ngoài khu trung tâm, khu sản xuất:</b> Hệ thống giao thông đối ngoại ( Đường ven biển; đường Mỹ Thành đi thị trấn Phù Mỹ)			<b>24,70</b>	<b>6,59</b>	<b>24,70</b>
<b>Tổng</b>		<b>375,00</b>	<b>100</b>	<b>375,00</b>	<b>100</b>	<b>0,00</b>

## 2.6. Điều chỉnh phân khu sử dụng đất để kêu gọi đầu tư

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất các khu chức năng, tổng hợp quy hoạch sử dụng đất Khu NNƯDCNC như bảng sau:

+ Khu A diện tích 132,02 ha trong đó (đã giao 126,34 ha cho nhà đầu tư Công ty TNHH Việt – Úc Phù Mỹ).

+ Khu B diện tích 213,28 ha gồm 3 khu vực B-1; B-2; B-3:

- Khu B-1 diện tích 1,95 ha.
- Khu B-2 diện tích 110,05 ha.
- Khu B-3 diện tích 101,29 ha.

**Bảng 5: Bảng phân khu sử dụng đất để kêu gọi đầu tư**

Số TT	Ký Hiệu	Hạng mục	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Khu A</b>	<b>Tổng Khu A</b>	<b>132,02</b>	<b>35,21</b>
		<b>Khu trung tâm</b> Khu quản lý điều hành; Khu nhà công vụ, triển lãm, xét nghiệm, hội nghị, Khu nghiên cứu chuyển giao công nghệ và mô hình trình diễn và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm không sử dụng vào mục đích kinh doanh cho thuê lại.	10,68	2,85
		<b>Khu sản xuất, chế biến</b> Khu nuôi tôm giống; Khu nuôi tôm thương phẩm và hạ tầng kỹ thuật khác	115,66	30,84



<b>Số TT</b>	<b>Ký Hiệu</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện</b>	<b>Cơ cấu</b>
		<b>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</b>	<b>5,68</b>	<b>1,51</b>
	<b>Khu B</b>	<b>Tổng Khu B</b>	<b>213,28</b>	<b>56,87</b>
	<b>Khu B-1</b>	<b>Khu nuôi tôm giống</b>	<b>1,74</b>	<b>0,46</b>
		<b>Hệ thống kênh cấp nước</b>	<b>0,21</b>	<b>0,06</b>
	<b>Khu B -2</b>		<b>110,05</b>	<b>29,35</b>
	<b>Khu B - 2-a</b>	<b>Khu trung tâm</b> Khu quản lý điều hành; Khu nhà công vụ, triển lãm, xét nghiệm, hội nghị và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm không sử dụng vào mục đích kinh doanh cho thuê lại.	<b>5</b>	<b>1,33</b>
		<b>Khu sản xuất</b> Khu nuôi tôm thương phẩm và hạ tầng kỹ thuật khác	<b>40,55</b>	<b>10,81</b>
<b>II</b>	<b>Khu B - 2-b</b>	<b>Khu sản xuất</b> Khu nuôi tôm thương phẩm và hạ tầng kỹ thuật khác	<b>54,5</b>	<b>14,53</b>
		<b>Khu Chế biến</b> Khu nhà máy chế biến thức ăn; Khu nhà máy chế biến tôm và hạ tầng kỹ thuật khác	<b>10</b>	<b>2,67</b>
	<b>Khu B -3</b>		<b>101,29</b>	<b>27,01</b>
	<b>Khu B - 3-a</b>	<b>Khu trung tâm</b> Khu nghiên cứu chuyển giao công nghệ và mô hình trình diễn và các công trình phụ trợ khác phục vụ cho dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm.	<b>5</b>	<b>1,33</b>
		<b>Khu sản xuất</b> Khu nuôi tôm thương phẩm và hạ tầng kỹ thuật khác	<b>30,10</b>	<b>8,03</b>
	<b>Khu B - 3-b</b>	<b>Khu sản xuất</b> Khu nuôi tôm thương phẩm và hạ tầng kỹ thuật khác	<b>66,19</b>	<b>17,65</b>
<b>III</b>		<b>Khu hiện trạng khoanh vùng giữ lại</b>	<b>5</b>	<b>1,33</b>
<b>IV</b>		<b>Đất hạ tầng kỹ thuật ngoài khu trung tâm, khu sản xuất.</b> Hệ thống giao thông đối ngoại ( Đường ven biển, đường Mỹ Thành đi thị trấn Phù Mỹ)	<b>24,70</b>	<b>6,59</b>
<b>TỔNG</b>			<b>375,00</b>	



Hình 9: Sơ đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất Khu NNƯDCNC

### **PHẦN III**

## **ĐIỀU CHỈNH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

### **I. CƠ SỞ THIẾT KẾ**

Bản đồ địa hình hiện trạng khu vực thiết kế, tỷ lệ 1/2.000.

Các điều kiện tự nhiên khu vực thiết kế.

Các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành:

+ QCXDVN 01:2008/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ QCVN 14:2008/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN - 14:2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

+ QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ QCVN 02-19:2014/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ – điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

+ QCVN 11-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản.

+ QCVN 07-1:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước

+ QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật- Công trình thoát nước

+ QCVN 07-4:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật- Công trình giao thông.

+ QCVN 07-5:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật- Công trình cấp điện.

+ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

+ Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu: TCVN 4447-2012.

## II. ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại: Trục đường ven biển quốc gia đoạn qua khu vực quy hoạch dài khoảng 3km. Trục đường Mỹ Thành đi thị trấn Phù Mỹ đoạn qua khu NNƯDCNC khoảng 01km.

- Giao thông nội bộ: Hệ thống giao thông nội bộ tổ chức theo đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 đảm bảo thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tỷ lệ đất giao thông phù hợp với nuôi tôm công nghệ cao.

### 2. Quy hoạch cấp nước

Cấp nước cho nuôi tôm công nghệ cao (nước mặn)

Nước mặn cung cấp cho Khu nuôi tôm giống, tôm thương phẩm và khu trình diễn sẽ được bơm từ Biển Đông thông qua trạm bơm để bơm Từ đó xây dựng 01 kênh dẫn nước dài khoảng 1,1km diện tích 0,21 ha, theo hướng Bắc Nam dẫn nước từ các ao lắng đưa vào các trại nuôi tôm.

### 3. Quy hoạch thoát nước

+ Nước thải từ Khu nuôi tôm thương phẩm: Tiếp tục đầu tư 01 hệ thống kênh phía nam dự án dài khoảng 1,6 km đầu nối với khu xử lý nước thải gom toàn bộ lượng nước thay ra từ các ao nuôi đạt chuẩn theo quy định trước khi xả ra biển. Nước thải khu nuôi tôm thương phẩm trước khi xả thải vào môi trường phải đạt tiêu chuẩn quy định ở cột B, QCVN 40:2011/BTNMT với  $K_f = 0,9$ ;  $K_q = 1,3$  và QCVN 02-19:2014/BNNPTNT.

+ Nước thải từ khu sản xuất tôm giống: Sẽ được xử lý từ hệ thống trong khu sản xuất tôm giống đạt chuẩn theo quy định, trước khi xả theo hệ thống chung ra biển.

+ Nước thải từ 02 nhà máy chế biến (chế biến thức ăn, chế biến tôm): Sẽ đầu tư từng hệ thống xử lý nước thải trong khuôn viên từng nhà máy để xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định, sau đó theo đường ống để xả ra biển. Nước thải trước khi xả thải vào môi trường phải đạt tiêu chuẩn quy định tại Cột B, QCVN 11-MT:2015/BTNMT với các hệ số  $K_f = 0,9$ ,  $K_q = 1,3$  đối với nhà máy chế biến tôm; QCVN 40:2011/BTNMT với các hệ số  $K_f = 1,2$ ,  $K_q = 1,3$  đối với nhà máy chế biến thức ăn.

### 4. Quy hoạch cây xanh

- Cây xanh: Dành quỹ đất khoảng 10% diện tích toàn khu NNƯDCNC để

phát triển các mảnh xanh, trong đó tạo đường bao cây xanh vòng quang ranh giới khu vực dự án. Tạo cảnh quan và đảm bảo cách ly giữa các phân khu chức năng.

**5. Quy hoạch cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, cấp điện và các hạ tầng kỹ thuật khác:** Thực hiện theo (*Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/1/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành*).

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành đã nghiên cứu đánh giá tổng hợp bổ sung hiện trạng của khu vực quy hoạch; đề xuất bố trí phương án điều chỉnh quy hoạch nhằm xác định lại phạm vi khu chức năng phục vụ sản xuất nuôi tôm phù hợp với công nghệ nuôi tôm hiện nay làm cơ sở để kêu gọi đầu tư khai thác hiệu quả sử dụng đất; bố trí lại khu vực xây dựng nhà máy chế biến tôm, sản xuất thức ăn cho tôm đảm bảo môi trường xung quanh khu vực dự án, khai thác tối đa các lợi thế khu vực; kết nối với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quỹ đất dọc đường ven biển đoạn Đègi - Mỹ Thành (đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 14/7/2021), tạo sự đồng bộ về xây dựng cơ sở hạ tầng và không gian phát triển nhằm xây dựng thành Khu NNƯDCNC hiện đại, gắn liền với định hướng xây dựng Đô thị Mỹ Thành đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trong tương lai.

Tổng diện tích Khu NNƯDCNC là 375ha, được quy hoạch thành 02 phân khu: Khu trung tâm 22,98ha, chiếm 6,13%; Khu sản xuất, chế biến 352,02ha (*Bao gồm cả khu hiện trạng giữ lại và đất hạ tầng kỹ thuật ngoài khu trung tâm, khu sản xuất*), chiếm 93,87%; khoanh vùng giữ lại khu dân cư hiện trạng khu vực Tây với diện tích 05 ha để đảm bảo ổn định đời sống các hộ dân, Kết nối dự án với hệ thống giao thông đối ngoại ( Đường ven biển; đường Mỹ Thành đi thị trấn Phù Mỹ với diện tích 24,70 ha) chia thành 02 khu vực:

+ Khu A diện tích 132,02 ha trong đó (đã giao 126,34 ha cho nhà đầu tư Công ty TNHH Việt – Úc Phù Mỹ).

+ Khu B diện tích 213,28 ha gồm 3 khu vực B-1; B-2; B-3:

- Khu B-1 diện tích 1,95 ha.
- Khu B-2 diện tích 110,05 ha.
- Khu B-3 diện tích 101,29 ha.

+ Ngoài ra còn có Khu hiện trạng khoanh vùng giữ lại diện tích 5,0 ha và Đất hạ tầng kỹ thuật ngoài trung tâm, khu sản xuất diện tích 24,7 ha.

Các khu chức năng được bố trí đầy đủ cho hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm, hài hòa về không gian để tạo thuận lợi trong quá trình đầu tư xây dựng và hoạt động sau này.

Khi đồ án điều chỉnh được phê duyệt, kiến nghị UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu sớm lựa chọn nhà đầu tư và hỗ trợ giải phóng, bàn giao mặt bằng để triển khai đầu tư xây dựng theo đồ án điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

## CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

(1). Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

(2). Thông báo số 436/TB-VPCP ngày 28/12/2016 của Văn phòng Chính phủ Thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi kiểm tra, chỉ đạo khắc phục hậu quả mưa lũ tại Bình Định. Trong đó, có chủ trương bổ sung Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ vào quy hoạch Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016-2020.

(3). Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035.

(4). Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đồ án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

(5). Văn bản số 4991/UBND – KT ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Bình Định đồng ý về chủ trương cho phép Sở Nông nghiệp và PTNT lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 cho Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

(6). Thông báo số 98-TB/TU ngày 18/02/2021 của Tỉnh ủy Bình Định thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư tỉnh ủy thăm và kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất đầu năm tại Công ty cổ phần Việt – Úc Bình Định.

(7). Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế và dự toán Chi phí thiết kế Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

(8). Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Quỹ đất dọc đường ven biển đoạn Đègi – Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

(9). Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 10/1/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành - huyện Phù Mỹ - tỉnh Bình Định.

### **CÁC BẢN VẼ A3**

- (1). Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ( đã phê duyệt).
  - (1). Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất ( điều chỉnh).
  - (2). Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật (điều chỉnh).
-